

Bản án số: 02/2018/DS-PT
Ngày: 03- 01- 2018
“Về việc Tranh chấp thừa kế”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Mới

Bà Nguyễn Thị Tư

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai Ka - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Bé Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý: 111/2017/TLPT-DS, ngày 02 tháng 08 năm 2017. Về việc “*Tranh chấp thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2017/DS-ST, ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 230/2017/QĐ-PT, ngày 25 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 12, ấp P, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà P: Luật sư Nguyễn Phú H – Thuộc Công ty TNHH MTV H (có mặt)

Địa chỉ: Số 202, đường P, phường K, quận K, Thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông Trần Văn Bé N, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Văn Bé N: Trần Thị Hồng N, sinh năm 1989 (theo văn bản ủy quyền ngày 28/8/2017).

Cùng địa chỉ: Hẻm số 286/10A/7, đường T, phường N, quận T, Thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Kim L, sinh năm 1961.

Trú tại: Tổ 17, ấp L, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

2/ Ông Trần Văn B, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Trú tại: Tổ 03, ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cụ Trần Văn B (B1) và cụ Nguyễn Thị B (B2) chung sống có 04 người con chung gồm: Ông Trần Hữu T, ông Trần Văn B, ông Trần Văn Bé N và bà Trần Thị P. Tài sản chung của cụ B1 và cụ B2 tạo lập 12.327m² đất ruộng và 432m² đất thổ quả, 01 căn nhà tường tọa lạc xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Cụ Trần Văn B1 chết ngày 22/10/1991 không để lại di chúc.

Sau đó, cụ B2 và ông Trần Hữu T phát sinh tranh chấp, cụ B2 yêu cầu chia tài sản chung giữa cụ B2 và cụ B1; chia di sản thừa kế của cụ B1. Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Bình Minh thụ lý giải quyết.

Ngày 15/9/2005 cụ B2 có lập di chúc giao lại quyền tiếp tục khởi kiện tranh chấp di sản thừa kế với ông T và quyền hưởng thừa kế quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất phần mà cụ B2 được hưởng thừa kế theo bản án công nhận cho bà Trần Thị P và ông Trần Văn Bé N.

Tại Bản án số: 104/2008/DS-PT ngày 08/4/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long tuyên xử như sau:

1/ Buộc ông Trần Hữu T giao lại cụ Nguyễn Thị B2 phần đất diện tích 6.163m² (Có trích đo bản đồ địa chính kèm theo).

2/ Buộc ông Trần Hữu T có nghĩa vụ hoàn giá trị quyền sử dụng đất cho những người sau:

.....Trả cho cụ Nguyễn Thị B2 số tiền 122.982.661 đồng.

Ngày 15/12/2008 cụ B2 lập di chúc có nội dung: Giao cho ông Trần Văn Bé N được quyền thụ hưởng quyền thừa kế tài sản theo bản án số 104/2008/DS-PT ngày 08/4/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 20/6/2009 cụ B2 qua đời.

Ngày 23/12/2010 Chi cục Thi hành án huyện Bình Tân tiến hành thi hành bản án số 104/2008/DS-PT cho ông Trần Văn Bé N phần đất 6.163m² thuộc thửa số 211 do cụ Trần Văn B1 đứng tên quyền sử dụng đất và số tiền 179.948.661 đồng (bao gồm tiền gốc và lãi chậm thi hành án) và thu các khoản án phí, phí theo quy định.

Sau đó, ông Trần Văn Bé N được cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất với số thửa 644 diện tích 6.163m² tọa lạc ấp H, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 25/6/2014 ông Trần Văn Bé N chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 644 cho bà Nguyễn Kim L giá 300.000.000 đồng theo hợp đồng chuyển nhượng nhưng thực tế giá chuyển nhượng là 500.000.000 đồng.

Bà Trần Thị Ph khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy di chúc ngày 15/12/2008 được lập tại tổ 03, ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vì không hợp pháp.

- Công nhận di chúc ngày 15/9/2005 tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Vĩnh Long thể hiện sự định đoạt của cụ B2 là phù hợp quy định pháp luật.

- Buộc ông Trần Văn Bé N và ông Trần Văn B chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà P ½ số tiền gốc và tiền lãi chậm thi hành án mà cụ B2 được hưởng theo Bản án số 104/2008/DS-PT ngày 08/4/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long là 89.974.331 đồng và lãi suất phát sinh trên số tiền này.

- Buộc ông Trần Văn Bé N trả lại ½ diện tích đất 6.163m² là 3.081m² tọa lạc ấp H, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long mà cụ B2 được hưởng theo bản án số 104/2008/DSPT ngày 08/4/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Sau đó bà P thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc ông Trần Văn Bé N trả lại ½ diện tích đất 6.163m² là 3.081m² tọa lạc ấp H, xã L, huyện T, tỉnh Long do hiện nay phần đất này ông Bé N đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Kim L với giá 500.000.000 đồng nên bà P yêu cầu ông Trần Văn Bé N trả lại ½ giá trị đất cho bà P là 250.000.000 đồng.

- Rút lại phần yêu cầu đối với ông Trần Văn B có trách nhiệm cùng với ông Trần Văn Bé N trả lại cho bà giá trị số tài sản mà cụ B2 cho bà là 339.974.331 đồng.

Bị đơn ông Trần Văn Bé N trình bày: Ông Bé N xác định về tài sản tranh chấp nêu trên đúng là di sản của cụ Nguyễn Thị B2 chết để lại. Ngày 15/12/2008 cụ B2 đã lập di chúc để lại cho ông Bé N toàn bộ tài sản cụ B2 được chia theo Bản án số 104 nên yêu cầu khởi kiện của bà P ông Bé N không đồng ý; ông Bé N tự nguyện cho bà P số tiền 50.000.000 đồng.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Văn B trình bày: Ông B xác định ông B có liên hệ Cơ quan Thi hành án để được thi hành Bản án số 104/2008/DSPT ngày 08/4/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long nhưng đất và số tiền 179.948.661 đồng ông B đã đóng các khoản án phí, lệ phí theo quy định, số tiền còn lại ông B đã giao lại cho ông Bé N.

Bà Nguyễn Kim L trình bày: Năm 2014 bà L có chuyển nhượng của ông Bé N phần đất thửa 644 với giá là 500.000.000 đồng. Bà L xác định việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà L và ông Bé N hợp pháp nên bà L

không có yêu cầu gì đối với ông Bé N và xin vắng mặt tại các phiên hòa giải cũng như xét xử.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân quyết định:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm i khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 228 và Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 646; 647; 648; 649; 650; 652; 653; 654; 657 và Điều 658 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015, Điều 56 Luật công chứng.

Căn cứ Khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khóa 12. Tuyên xử;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị P đối với ông Trần Văn Bé N.

2/ Hủy di chúc mà cụ Nguyễn Thị B2 lập ngày 15/12/2008 do không hợp pháp.

3/ Công nhận di chúc mà cụ Nguyễn Thị B2 lập ngày 15/9/2005 để lại di sản cho bà Trần Thị P và Ông Trần Văn Bé N là hợp pháp.

4/ Buộc ông Trần Văn Bé N có trách nhiệm giao lại 50% phần di sản mà cụ Nguyễn Thị B2 chết để lại theo di chúc lập ngày 15/9/2005 cho bà Trần Thị P cụ thể là:

4.1/ Số tiền 179.948.661 đồng mà ông Trần Văn Bé N đã nhận tại Chi cục Thi hành án huyện T, ông N có trách nhiệm giao lại cho bà Trần Thị P 50% số tiền này là 89.974.330 đồng (Tám mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi bốn nghìn, ba trăm ba chục đồng).

4.2/ Phần đất diện tích 6.163m² thuộc một phần thửa đất 211, loại đất lúa, tọa lạc ấp H, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ông Trần Văn Bé N đã nhận và chuyển nhượng cho bà Nguyễn Kim L giá trị chuyển nhượng thực tế là 500.000.000 đồng. Do đó, phía ông Trần Văn Bé N có trách nhiệm giao lại cho bà Trần Thị P 50% giá trị đã chuyển nhượng là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Tổng số tiền mà ông Trần Văn Bé N có trách nhiệm giao lại cho bà Trần Thị P là 339.974.330 đồng (Ba trăm ba mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi bốn nghìn, ba trăm ba chục đồng).

5/ Đình chỉ yêu cầu của bà Trần Thị P yêu cầu ông Trần Văn B có trách nhiệm cùng với ông Trần Văn Bé N trả lại cho bà P số tiền là 339.974.330 đồng (Ba trăm ba mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi bốn nghìn, ba trăm ba chục đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí đo đạc, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự theo luật định.

Ngày 10/7/2017 ông Trần Văn Bé N kháng cáo bản án số 12/2017/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà P.

Lý do kháng cáo: Đối với phần đất 6.163m² đã được cụ B2 lập di chúc cho ông Bé N. Hiện nay ông Bé N đã chuyển nhượng cho người khác được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận, việc tuyên hủy di chúc ngày 15/12/2008 là không đúng với ý nguyện của cụ B2 gây ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Bé N.

Đối với số tiền 179.948.661 đồng ông Bé N nhận được tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T ông Bé N đã chi điều trị bệnh cho cụ B2 từ năm 2002 đến năm 2009 là 63.000.000 đồng; chi các khoản phí thi hành án của cụ B2, các khoản chi phí Luật sư trong vụ kiện giữa cụ B2 và ông T 40.318.000 đồng; chi xây dựng an táng, xây mộ, nhà mồ cho cụ B2 65.000.000 đồng. Tổng cộng là 183.318.000 đồng nhưng cấp sơ thẩm không xem xét khoản tiền này là xâm phạm đến quyền lợi của ông Bé N.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Đại diện hợp pháp cho ông Trần Văn Bé N trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của ông Bé N và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm.

Nguyên đơn bà Trần Thị P trình bày: Bà P yêu cầu ông Bé N phải chia cho bà P được hưởng theo di chúc ngày 15/9/2005 của cụ B2. Bà P đồng ý khấu trừ các khoản chi phí sau vào số tiền 89.974.330 đồng:

+ Chi phí điều trị bệnh cho cụ B2: 9.500.000 đồng.

+ Chi phí hợp đồng luật sư, đăng nộp các khoản án phí, lệ phí thi hành án trong vụ kiện giữa cụ B2 và ông T: 18.159.000 đồng

+ Chi phí xây mộ, nhà mồ cho cụ B2: 32.500.000 đồng

Tổng cộng là 60.159.000 đồng. Ngoài ra bà P yêu cầu ông Bé N trả lại bà P số tiền đã giao cho vợ ông Trần Văn B 9.500.000 đồng (tiền trị bệnh cho cụ B 2.200.000 đồng; xây kim tinh cho cụ B 2.300.000 đồng; xây nhà mồ cho cụ B2 5.000.000 đồng).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà P trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Bé N, giữ nguyên án sơ thẩm.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ Luật tổ tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại phiên tòa phúc thẩm.

+ Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định Bộ Luật tố tụng dân sự.

Đối với kháng cáo của ông Bé N là có căn cứ chấp nhận một phần. Bởi vì trong quá trình thi hành án ông Bé N phải chi phí cho án phí, lệ phí thi hành án và nuôi cụ B2 điều trị nằm viện nhiều lần. Đến ngày 20/6/2009 cụ B2 chết ông Bé N phải lo mai táng mồ mã, nhà mồ cho cụ B2 nhưng án sơ thẩm chưa xem xét mà buộc ông Bé N chia cho bà P giá trị tài sản của cụ B2 được hưởng 50% là chưa đảm bảo quyền lợi cho ông Bé N. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bà P chịu $\frac{1}{2}$ các khoản chi phí như tiền nuôi bệnh, tiền mai táng, xây mồ mã, nhà mồ và chi phí vụ kiện là tự nguyện không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội vì vậy có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông Bé N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét cụ Nguyễn Thị B2 có 04 người con ruột gồm ông Trần Hữu T, ông Trần Văn B, ông Trần Văn Bé N và bà Trần Thị P. Ông B, ông Bé N và bà P đều xác định: Di sản của cụ B2 để lại 6.163m² đất lúa chiết thửa 334 (thửa cũ 211) tọa lạc ấp H, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long và số tiền 122.982.661 đồng + 56.966.000 đồng tiền lãi chậm thi hành án (theo bản án số 104/2008/DS-PT ngày 08/4/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long sau đây gọi tắt là Bản án số 104).

Ngày 15/9/2005 cụ B2 lập di chúc giao cho ông Bé N và bà P được toàn quyền thụ hưởng phần tài sản mà cụ B2 được hưởng theo Bản án số 104.

Ngày 15/12/2008 cụ B2 lập di chúc giao cho ông Bé N được toàn quyền thụ hưởng phần tài sản mà cụ B2 được hưởng khi Bản án số 104.

Xét di chúc ngày 15/12/2008 là không đúng theo quy định tại Điều 654, 658 Bộ Luật dân sự năm 2005, khoản 3 Điều 56 Luật công chứng nên cấp sơ thẩm hủy di chúc ngày 15/12/2008 và công nhận di chúc ngày 15/9/2005; giao di sản của cụ B2 để lại từ việc thi hành Bản án số 104 cho bà P và ông Bé N là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[2] Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án ông Bé N có trình bày: Số tiền 179.948.661 đồng ông Bé N nhận được tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, ông Bé N đã chi điều trị bệnh cho cụ B2 từ năm 2002 đến năm 2009 là 63.000.000 đồng; chi các khoản phí thi hành án của cụ B2, các khoản chi phí Luật sư trong vụ kiện giữa cụ B2 và ông T 40.318.000 đồng; chi xây dựng an táng, xây mộ, nhà mồ cho cụ B2 65.000.000 đồng. Tổng cộng là 183.318.000 đồng nhưng cấp sơ thẩm không xem xét khoản tiền này là xâm phạm đến quyền lợi của ông Bé N. Bởi lẽ, chính ông Trần Văn B cũng thừa nhận khi còn sống cụ B2 chung sống trực tiếp với ông B nhưng các khoản chi phí chăm sóc cụ B2, chi phí điều trị của cụ B2 khi bệnh đều do ông Bé N chi trả, chi các khoản phí thi hành án của cụ B2, các khoản chi phí Luật sư trong vụ kiện giữa cụ B2 và ông T; chi xây dựng an táng, xây mộ, nhà mồ cho cụ B2 đều do ông Bé N chi trả

nhưng tại cấp phúc thẩm bà P tự nguyện chịu các khoản chi phí nêu trên với số tiền là 60.159.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận sự tự nguyện của bà P, sửa án sơ thẩm cụ thể :

Xác định di sản của cụ B là 6.163m² đất lúa chiết thửa 334 (thửa cũ 211) tọa lạc tại ấp H, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Ông Bé N đã thực hiện hợp đồng chuyển nhượng cho bà Nguyễn Kim L với giá trị chuyển nhượng là 500.000.000 đồng, bà P đồng ý yêu cầu ông Bé N chia $\frac{1}{2}$ giá trị của 6.163m² là 250.000.000 đồng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật

Số tiền 179.948.661 đồng mà ông Trần Văn Bé N đã nhận tại Chi cục Thi hành án huyện T, ông Bé N được hưởng 89.974.330 đồng, bà P được hưởng 89.974.330 đồng. Bà P tự nguyện chịu các khoản chi phí điều trị bệnh, chi phí trong vụ kiện giữa cụ B2 và ông T, chi phí xây mộ, nhà mồ cho cụ B2 60.159.000 đồng. Số tiền còn lại 29.815.330 đồng buộc ông Bé N phải chia lại cho bà P.

Đối với số tiền 9.500.000 đồng bà P cho rằng đã giao cho vợ ông Trần Văn B, nhưng ông Bé N không thừa nhận. Tòa án cũng đã có thông báo yêu cầu bà P cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh nhưng bà P không cung cấp nên không có cơ sở xem xét theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Xét lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P là có căn cứ chấp nhận một phần.

[3] Do sửa án sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm được xem xét lại theo quy định của pháp luật;

Buộc ông Trần Văn Bé N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền được hưởng thừa kế là 339.974.330 đồng cụ thể như sau: 339.974.330 đồng x 5% = 16.998.700 đồng

Buộc bà Trần Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền được hưởng thừa kế là 279.815.000 đồng cụ thể như sau: 279.815.000 đồng x 5% = 13.990.000 đồng.

* Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn Bé N không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn Bé N. Sửa Bản án số: 12/2017/DS-ST, ngày 27/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân.

Áp dụng các Điều 674, 675, 676 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 323, 688, 689 Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 166, 167 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 27, Điều 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị P đối với ông Trần Văn Bé N.

2/ Hủy di chúc mà cụ Nguyễn Thị B2 lập ngày 15/12/2008 do không hợp pháp.

3/ Công nhận di chúc mà cụ Nguyễn Thị B2 lập ngày 15/9/2005 để lại di sản cho bà Trần Thị P và Ông Trần Văn Bé N là hợp pháp.

4/ Buộc ông Trần Văn Bé N có trách nhiệm giao lại phần di sản mà cụ Nguyễn Thị B2 chết để lại theo di chúc lập ngày 15/9/2005 cho bà Trần Thị P cụ thể là:

4.1/ Số tiền 29.815.000 đồng (Hai mươi chín triệu, tám trăm mười lăm ngàn đồng)

4.2/ Phần đất diện tích 6.163m² thuộc một phần thửa đất 211, loại đất lúa, tọa lạc ấp H, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ông Trần Văn Bé N đã nhận và chuyển nhượng cho bà Nguyễn Kim L giá trị chuyển nhượng thực tế là 500.000.000 đồng. Do đó, phía ông Trần Văn Bé N có trách nhiệm giao lại cho bà Trần Thị P 50% giá trị đã chuyển nhượng là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Tổng số tiền mà ông Trần Văn Bé N có trách nhiệm giao lại cho bà Trần Thị P là 279.815.000 đồng (Hai trăm bảy mươi chín triệu, tám trăm mười lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trần Văn Bé N nộp 16.998.700 đồng (Mười sáu triệu, chín trăm chín mươi tám ngàn, bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Trần Thị P phải nộp 13.990.000 đồng (Mười ba triệu, chín trăm chín mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp 5.331.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011148 ngày 07/01/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Bà

P còn phải nộp tiếp số tiền 8.659.000 đồng (Tám triệu, sáu trăm năm mươi chín nghìn đồng).

6/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn Bé N không phải án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả ông Bé N số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011823, ngày 10/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

7/ Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDCC:01b;
- Chánh án TAND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02b;
- TAND huyện BT: 01b;
- Chi cục THA.DS huyện BT: 02b;
- Dương sự;
- Lưu

Đặng Duy Mỹ Ngọc